Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8471.90.30

Mã HS	8471.90.30
Mô tả hàng hóa	Máy xử lý dữ liệu tự động và các khối chức năng của chúng; đầu đọc từ tính hoặc đầu đọc quang học, máy truyền dữ liệu lên các phương tiện truyền dữ liệu dưới dạng mã hóa và máy xử lý những dữ liệu này, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác / - Loại khác: / - - Hệ thống nhận dạng vân tay điện tử
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 20:24:10
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84719030/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14344
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14344
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14344
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH, MY)	0% (trừ KH, MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	1.7	1,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13686
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13627
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13627
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13627
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13627
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13627
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13627
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13681
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13681
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13681
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13681

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13681
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13681
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13682
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13682
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13682
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13682
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13682
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13682
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13685
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13633
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13641
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13641
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13641
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13641
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13641
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13641
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13672
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13672
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13672
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13672
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13672
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13672
VCFTA	2022	2022	3	VC!D13721
VCFTA	2023	2023	3	VC!E13721
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13721
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13721

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13721
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13721
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13704
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13704
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13704
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13704
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13704
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13704
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13704
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13704
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13704
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13704
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13704
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13704
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13719
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13719
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13719
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13719
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13719
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13719
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13718
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13718
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13718
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13718
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13718
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13718

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13698
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13698
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13698
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13698
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13698
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13698
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13698
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13706
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13706
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13706
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13706
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13706
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13706
RCEP B	2022	2022	0	B!D13706
RCEP B	2023	2023	0	B!E13706
RCEP B	2024	2024	0	B!F13706
RCEP B	2025	2025	0	B!G13706
RCEP B	2026	2026	0	B!H13706
RCEP B	2027	2027	0	B!I13706
RCEP C	2022	2022	0	C!D13706
RCEP C	2023	2023	0	C!E13706
RCEP C	2024	2024	0	C!F13706
RCEP C	2025	2025	0	C!G13706
RCEP C	2026	2026	0	C!H13706
RCEP C	2027	2027	0	C!I13706
RCEP D	2022	2022	0	D!D13705

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13705
RCEP D	2024	2024	0	D!F13705
RCEP D	2025	2025	0	D!G13705
RCEP D	2026	2026	0	D!H13705
RCEP D	2027	2027	0	D!I13705
RCEP E	2022	2022	0	E!D13709
RCEP E	2023	2023	0	E!E13709
RCEP E	2024	2024	0	E!F13709
RCEP E	2025	2025	0	E!G13709
RCEP E	2026	2026	0	E!H13709
RCEP E	2027	2027	0	E!I13709
RCEP F	2022	2022	0	F!D13706
RCEP F	2023	2023	0	F!E13706
RCEP F	2024	2024	0	F!F13706
RCEP F	2025	2025	0	F!G13706
RCEP F	2026	2026	0	F!H13706
RCEP F	2027	2027	0	F!I13706
VIFTA	2024	2024	2.6	VI!F12723
VIFTA	2025	2025	2.1	VI!G12723
VIFTA	2026	2026	1.7	VI!H12723
VIFTA	2027	2027	1.3	VI!I12723

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)		11/2018/TT-BTTTT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8471.90 có 4 dòng thuế; dòng 8471.90.30 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Hệ thống nhận dạng vân tay điện tử.	8471.90.10 Máy đọc mã vạch; 8471.90.40 Máy đọc ký tự quang học khác; 8471.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8471.90.30. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 8471.90.30 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14344), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.